

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 1477/DVKT - VP

Về việc: công bố Báo cáo tài chính  
bán niên 2015 của Công ty mẹ đã soát xét

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên 2015 đã soát xét của Công ty mẹ - Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (đề b/c);
- Ban TGD (đề b/c);
- Website: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Đức Thủy**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
DẦU KHÍ VIỆT NAM (CÔNG TY MẸ)**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 39



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Maeu*



Số: *091* /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 39. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty mẹ và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 11 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Đào Thái Thịnh**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1867-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 01a-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>8.966.808.151.110</b>	<b>8.561.752.879.838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.825.027.636.312</b>	<b>2.886.089.176.704</b>
1. Tiền	111		1.002.727.636.312	811.389.176.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.822.300.000.000	2.074.700.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.817.305.128.289</b>	<b>5.537.722.541.788</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.256.210.445.297	3.026.058.643.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		127.726.096.099	289.622.887.866
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	27.976.168.584	36.515.902.584
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.454.880.176.488	2.218.270.742.236
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(49.487.758.179)	(32.745.634.640)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>96.709.995.771</b>	<b>105.673.317.091</b>
1. Hàng tồn kho	141		98.759.426.866	107.722.748.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.049.431.095)	(2.049.431.095)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>227.765.390.738</b>	<b>32.267.844.255</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	18.359.983.099	3.988.264.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		209.362.003.705	28.279.579.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		43.403.934	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>7.503.517.724.592</b>	<b>7.226.152.936.205</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>142.646.987.954</b>	<b>98.703.989.923</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		107.584.757.532	64.212.715.425
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	27.976.169.676	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216		7.086.060.746	7.104.346.491
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>886.876.484.769</b>	<b>977.646.836.738</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	882.162.741.081	972.428.531.554
- Nguyên giá	222		4.087.394.691.258	4.037.652.346.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.205.231.950.177)	(3.065.223.814.670)
2. Tài sản cố định vô hình	227		4.713.743.688	5.218.305.184
- Nguyên giá	228		16.482.117.551	15.083.084.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.768.373.863)	(9.864.779.367)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>693.341.007.897</b>	<b>355.727.376.106</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	278.863.525.015	274.173.592.409
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	414.477.482.882	81.553.783.697
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.436.779.170.816</b>	<b>5.443.168.799.876</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.920.083.892.070	2.920.083.892.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	2.824.310.390.787	2.798.733.240.787
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	73.156.533.710	96.283.043.710
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(380.771.645.751)	(371.931.376.691)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>343.874.073.156</b>	<b>350.905.933.562</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	315.401.801.811	323.304.064.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	28.417.218.678	27.549.832.953
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		55.052.667	52.036.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.470.325.875.702</b>	<b>15.787.905.816.043</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



*Handwritten signature*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>9.109.126.442.327</b>	<b>8.307.529.524.670</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.729.992.970.706</b>	<b>6.033.711.468.241</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	2.505.614.104.033	2.462.276.707.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		591.067.595.622	780.121.116.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	111.192.982.608	167.501.974.665
4. Phải trả người lao động	314		39.059.990.438	116.127.833.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	715.504.719.994	445.585.139.653
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.405.143.948	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.702.860.154.755	1.092.522.541.891
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	580.787.031.154	617.974.067.223
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		177.634.708.000	147.505.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.866.540.154	204.097.087.200
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.379.133.471.621</b>	<b>2.273.818.056.429</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	132.535.870.219	132.535.870.219
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.216.179.430.094	1.029.858.268.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.113.968.860	-
4. Phải trả dài hạn khác	337		12.050.000	12.050.000
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	996.489.006.350	1.081.608.721.528
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		29.803.146.098	29.803.146.098
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>7.361.199.433.375</b>	<b>7.480.376.291.373</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>7.361.199.433.375</b>	<b>7.480.376.291.373</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.295.955.996.746	1.792.434.026.148
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		558.622.166.629	1.181.320.995.225
- LNST.chưa phân phối kỳ này	421b		558.622.166.629	1.181.320.995.225
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>16.470.325.875.702</b>	<b>15.787.905.816.043</b>



Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	6.368.785.600.999	4.955.440.537.801
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	6.368.785.600.999	4.955.440.537.801
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	5.802.864.033.573	4.537.115.344.158
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		565.921.567.426	418.325.193.643
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	357.685.374.047	606.392.893.965
6. Chi phí tài chính	22	30	74.544.152.278	64.803.917.470
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.721.394.410	25.555.691.640
7. Chi phí bán hàng	25	31	25.996.841.628	19.290.876.886
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	161.394.069.202	142.972.064.821
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		661.671.878.365	797.651.228.431
10. Thu nhập khác	31		812.594.381	58.537.012.700
11. Chi phí khác	32		9.816.785.589	1.394.119.413
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	(9.004.191.208)	57.142.893.287
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		652.667.687.157	854.794.121.718
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	94.912.906.253	67.191.223.606
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(867.385.725)	12.659.090.942
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>558.622.166.629</u>	<u>774.943.807.170</u>



Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng




Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B.03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	652.667.687.157	854.794.121.718
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	162.226.394.456	180.110.023.391
Các khoản dự phòng	03	70.434.126.999	1.094.291.968
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.403.445.289	13.259.297.472
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(336.132.724.208)	(598.776.912.279)
Chi phí lãi vay	06	16.721.394.410	25.555.691.640
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	569.320.324.103	476.036.513.910
Tăng các khoản phải thu	09	(398.715.849.219)	(283.002.014.143)
Giảm hàng tồn kho	10	4.270.372.091	27.181.761.259
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	268.440.044.692	322.694.561.710
Tăng chi phí trả trước	12	(6.469.456.086)	(26.216.649.665)
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.754.909.386)	(52.423.954.765)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(142.730.923.433)	(120.809.350.226)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	53.365.108
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(39.975.013.960)	(48.147.448.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	219.384.588.802	295.366.784.606
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(363.127.290.203)	(8.823.099.651)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	9.263.045.182
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.193.023.651	8.982.092.221
4. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(25.577.150.000)	(14.971.200.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.355.146.953	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	230.396.959.466	569.184.441.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(140.759.310.133)	563.635.278.958
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	224.270.926.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(371.833.566.379)	(412.270.445.643)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(26.134.100)	(111.189.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(147.588.774.479)	(412.381.634.643)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(68.963.495.810)	446.620.428.921
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.886.089.176.704	2.924.233.070.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.901.955.418	3.562.321.537
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.825.027.636.312	3.374.415.821.321

Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.061 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.009 người).

#### Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, cần.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

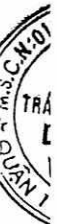
**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty mẹ có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty mẹ nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty mẹ được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty mẹ và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

01125  
CHI N  
CÔNG  
CH NHIE  
E LOI  
I ET N  
- TP. H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty mẹ ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty mẹ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty mẹ không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



00-2  
H  
T  
T  
AM  
5C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ trong 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí trả trước dài hạn**

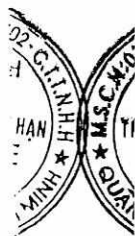
Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty mẹ là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.


Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.540.764.995	2.640.925.380
Tiền gửi ngân hàng	1.000.185.931.829	808.748.251.324
Tiền đang chuyển	939.488	-
Các khoản tương đương tiền	1.822.300.000.000	2.074.700.000.000
	<b><u>2.825.027.636.312</u></b>	<b><u>2.886.089.176.704</u></b>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	740.871.060.386	284.596.997.921
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	409.065.402.713	277.484.054.811
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	386.522.785.057	350.840.033.216
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	442.566.518.508	442.519.421.436
Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.277.184.678.633	1.670.618.136.358
	<b>3.256.210.445.297</b>	<b>3.026.058.643.742</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND		VND	
Phải thu từ các Công ty con (i)	885.501.170.186	-	883.897.493.204	-
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	12.222.294.781	-	11.691.853.169	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (iii)	598.496.712.387	-	587.655.082.100	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iv)	230.819.875.570	-	230.819.875.570	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (v)	124.740.417.492	-	124.740.417.492	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (vi)	40.878.529.508	-	16.850.156.471	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Bien Dong POC)	5.874.422.967	-	2.322.297.651	-
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	-	52.345.374.030	-
Tổ hợp nhà thầu JGCS (vii)	342.028.562.304	-	75.200.802.393	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd	-	-	24.961.765.703	-
Talisman Malaysia Limited	-	-	56.924.499.844	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (viii)	80.929.179.331	-	89.385.784.972	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (ix)	68.315.000.000	-	-	-
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (x)	22.869.000.000	-	-	-
Phải thu khác	42.205.011.962	-	61.475.339.637	-
	<b>2.454.880.176.488</b>	<b>-</b>	<b>2.218.270.742.236</b>	<b>-</b>

- (i) Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con. Trong đó bao gồm các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng tài sản và các khoản giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con.
- (ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc 9 đến mốc 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý của dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú.



 00  
 ANH  
 TY  
 HUU  
 TH  
 AM  
 50

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

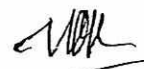
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (iv) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Công ty mẹ. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này (xem Thuyết minh số 21) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Khoản phải thu Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất bao gồm số tiền phải thu liên quan đến chuyển nhượng 15 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vi) Khoản phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm số tiền trích trước doanh thu của các dịch vụ đã cung cấp thuộc dự án PVN12.
- (vii) Khoản phải thu Tổ hợp nhà thầu JGCS là số tiền trích trước doanh thu của các dịch vụ đã thực hiện trong quý 2/2015 cho dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- (viii) Khoản phải thu Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd là khoản phải thu về tiền đầu mua hộ Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (ix) Khoản phải thu Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited là khoản phải thu về cổ tức được chia của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo thông báo của Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.
- (x) Khoản phải thu Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là khoản trích trước về doanh thu dịch vụ quản lý PTSC đã cung cấp cho Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited theo thỏa thuận liên doanh.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	58.564.599	-
Nguyên liệu, vật liệu	68.363.366.319	(2.049.431.095)	74.048.234.971	(2.049.431.095)
Công cụ, dụng cụ	664.795.451	-	683.140.204	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.489.346.975	-	27.592.969.919	-
Hàng hoá	3.241.918.121	-	5.339.838.493	-
	<b>98.759.426.866</b>	<b>(2.049.431.095)</b>	<b>107.722.748.186</b>	<b>(2.049.431.095)</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu là chi phí của Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn là 2.405.331.404 đồng và dầu nhớt tồn trên tàu dịch vụ là 19.074.298.961 đồng.




**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về tiền thuê tàu trần	17.246.849.284	-
Các khoản khác	1.113.133.815	3.988.264.259
	<b>18.359.983.099</b>	<b>3.988.264.259</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	311.143.161.031	313.390.953.975
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.258.640.780	9.913.110.590
	<b>315.401.801.811</b>	<b>323.304.064.565</b>

**10. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Khoản thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO). Chi tiết khoản phải thu về cho vay được trình bày như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	USD	VND	USD	VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	27.976.168.584	1.707.947	36.515.902.584
	<b>1.280.960</b>	<b>27.976.168.584</b>	<b>1.707.947</b>	<b>36.515.902.584</b>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	27.976.169.676	1.280.960	27.386.928.007
	<b>1.280.960</b>	<b>27.976.169.676</b>	<b>1.280.960</b>	<b>27.386.928.007</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.561.920</b>	<b>55.952.338.260</b>	<b>2.988.907</b>	<b>63.902.830.591</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	983.070.056.247	80.895.421.765	51.934.430.091	2.921.752.438.121	-	4.037.652.346.224
Tăng trong kỳ	-	31.268.800	5.532.360.000	40.159.139.312	42.000.000	45.764.768.112
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.141.349.351	-	-	-	-	23.141.349.351
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(1.537.439.652)	(1.716.114.282)	-	(15.910.218.495)	-	(19.163.772.429)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.004.673.965.946</b>	<b>79.210.576.283</b>	<b>57.466.790.091</b>	<b>2.946.001.358.938</b>	<b>42.000.000</b>	<b>4.087.394.691.258</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	506.757.924.078	39.409.554.059	40.004.782.037	2.479.051.554.496	-	3.065.223.814.670
Khấu hao trong kỳ	38.904.502.050	4.909.593.556	5.181.148.326	111.324.056.027	3.500.001	160.322.799.960
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(3.243.308.290)	(1.161.137.668)	-	(15.910.218.495)	-	(20.314.664.453)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>542.419.117.838</b>	<b>43.158.009.947</b>	<b>45.185.930.363</b>	<b>2.574.465.392.028</b>	<b>3.500.001</b>	<b>3.205.231.950.177</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2015	462.254.848.108	36.052.566.336	12.280.859.728	371.535.966.910	38.499.999	882.162.741.081
Tại ngày 31/12/2014	476.312.132.169	41.485.867.706	11.929.648.054	442.700.883.625	-	972.428.531.554

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty mẹ là 1.818 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.306 tỷ đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng với nguyên giá là 1.662 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.661 tỷ đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	278.863.525.015	278.863.525.015	274.173.592.409	274.173.592.409
	<b>278.863.525.015</b>	<b>278.863.525.015</b>	<b>274.173.592.409</b>	<b>274.173.592.409</b>

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự án Bến số 2 - Cảng Tổng hợp Dung Quất	49.793.402.682	51.440.892.500
Hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung	1.062.163.581	15.746.865.753
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Nhà văn phòng PTSC Hà Nội	2.898.637.747	2.784.490.476
Tàu PTSC Tiên Phong	309.645.200.000	-
Cầu Hitachi 150 tấn	20.870.256.000	-
Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí	13.034.307.812	-
Khác	8.552.862.040	2.960.881.948
	<b>414.477.482.882</b>	<b>81.553.783.697</b>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	30/6/2015		31/12/2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	100,00%	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	100,00%	628.160.788.070	100,00%	628.160.788.070
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95%	339.807.000.000	84,95%	339.807.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19%	285.581.000.000	95,19%	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69%	218.773.000.000	54,69%	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61%	208.645.000.000	59,61%	208.645.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00%	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam	51,00%	15.300.000.000	51,00%	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	51,00%	597.817.104.000	51,00%	597.817.104.000
		<b>2.920.083.892.070</b>		<b>2.920.083.892.070</b>

 00-  
HAI  
ST  
NH  
IT  
NAN  
OC

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Tên công ty	30/6/2015		31/12/2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	33,00%	106.022.400	33,00%	106.022.400
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	49,00%	292.324.455.887	49,00%	292.324.455.887
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00%	583.995.300.000	60,00%	583.995.300.000
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	51,00%	340.800.232.500	51,00%	340.800.232.500
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	51,00%	1.069.026.300.000	51,00%	1.069.026.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (v)	48,05%	241.225.650.000	42,05%	215.648.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (vi)	49,95%	124.875.000.000	49,95%	124.875.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28,75%	171.957.430.000	28,75%	171.957.430.000
		<b>2.824.310.390.787</b>		<b>2.798.733.240.787</b>

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn đề sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (PTSC SEA) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC) thuê phục vụ khai thác dầu, khí tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613.449.590 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.
- (iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,90% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các cổ đông khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty mẹ đã đầu tư thêm 25.577.150.000 đồng, tăng tổng vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 241.225.650.000 đồng, tương đương 48,05% vốn điều lệ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (vi) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ.

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (*)	-	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (*)	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (*)	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>73.156.533.710</b>	<b>96.283.043.710</b>

(\*) Theo nghị quyết số 136/NQ-DVKT-HDQT ngày 04 tháng 02 năm 2015, Công ty mẹ đã phê duyệt phương án thoái vốn tại 4 công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam cho các cổ đông bên ngoài theo hình thức bán cổ phiếu trên sàn HNX.

**16. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Chi tiết như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	6.394.459.284	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	2.026.672.423	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	285.581.000.000	285.581.000.000
	<b>294.002.131.707</b>	<b>285.581.000.000</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	-
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	44.040.489.765	49.772.465.642
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	499.040.937	1.315.069.171
	<b>44.539.530.702</b>	<b>51.087.534.813</b>
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	473.449.632	485.276.668
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.600.000.000	6.600.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	15.032.231.500
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	23.011.200.000	-
	<b>42.229.983.342</b>	<b>35.262.841.878</b>

Chi tiết biến động trong kỳ của các khoản dự phòng đầu tư tài chính như sau:

	Đầu tư vào Công ty con	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	Đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	285.581.000.000	51.087.534.813	35.262.841.878	371.931.376.691
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	8.421.131.707	-	23.011.200.000	31.432.331.707
Hoàn nhập dự phòng	-	(6.548.004.111)	(1.322.032.136)	(7.870.036.247)
Bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	-	-	(14.722.026.400)	(14.722.026.400)
Tại ngày 30/6/2015	<b>294.002.131.707</b>	<b>44.539.530.702</b>	<b>42.229.983.342</b>	<b>380.771.645.751</b>

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	10.547.386.904	(2.774.094.054)	7.773.292.850
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	21.903.713.096	(2.127.172.993)	19.776.540.103
Tại ngày 31/12/2014	32.451.100.000	(4.901.267.047)	27.549.832.953
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	867.385.725	867.385.725
Tại ngày 30/6/2015	<b>32.451.100.000</b>	<b>(4.033.881.322)</b>	<b>28.417.218.678</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	483.012.424.877	483.012.424.877	343.917.686.258	343.917.686.258
- Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.267.935.110	66.267.935.110	66.267.935.110	66.267.935.110
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	1.956.333.744.046	1.956.333.744.046	2.052.091.086.450	2.052.091.086.450
b. Phải trả người bán dài hạn				
- Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	132.535.870.219	132.535.870.219	132.535.870.219	132.535.870.219
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.638.149.974.252</b>	<b>2.638.149.974.252</b>	<b>2.594.812.578.037</b>	<b>2.594.812.578.037</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.080.228.987	25.365.731.051
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.604.613.666	104.422.630.846
Thuế thu nhập cá nhân	7.721.635.996	6.922.856.332
Các loại thuế khác	39.786.503.959	30.773.488.262
	<b>111.192.982.608</b>	<b>167.501.974.665</b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.365.731.051	100.404.118.011	118.689.620.075	7.080.228.987
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	98.487.953.553	98.487.953.553	-
Thuế xuất nhập khẩu	17.268.174	8.821.407.426	8.838.675.600	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.422.630.846	94.912.906.253	142.730.923.433	56.604.613.666
Thuế thu nhập cá nhân	6.922.856.332	21.993.963.761	21.238.588.031	7.678.232.062
Thuế nhà đất	-	1.282.059.720	1.282.059.720	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Thuế TNDN nhà thầu phụ	8.366.688.344	44.866.034.382	49.378.663.210	3.854.059.516
Thuế GTGT nhà thầu phụ	22.406.799.918	174.415.377.226	160.889.732.701	35.932.444.443
Thuế môn bài nhà thầu phụ	-	20.000.000	20.000.000	-
Thuế khác	-	124.336.268	124.336.268	-
Phí và các khoản lệ phí khác	-	623.562.000	623.562.000	-
	<b>167.501.974.665</b>	<b>545.963.718.600</b>	<b>602.316.114.591</b>	<b>111.149.578.674</b>

500-6  
NHÂN  
IG TY  
EM HỮ  
ITTI  
NAM  
HỒ C

*Handwritten signature*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.534.157.817	96.572.281.670
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	8.513.712.503	14.142.028.031
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	4.970.095.134	13.253.587.022
Chi phí thực hiện dự án PVN12	64.774.004.199	41.080.884.797
Chi phí dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	29.211.738.570	37.146.692.300
Chi phí các gói thầu trong dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	312.612.860.317	175.744.061.316
Chi phí gói dự án Thái Bình Hàm Rồng	-	12.556.047.113
Chi phí liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	-	41.444.878.536
Giá vốn cho thuê kho nổi FSO Biển Đông 1	126.982.297.470	-
Chi phí phải trả khác	71.905.853.984	13.644.678.868
	<b>715.504.719.994</b>	<b>445.585.139.653</b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	385.275.342.651	382.752.004.016
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	-	-
Phải trả cổ tức các cổ đông	542.829.053.873	6.814.682.773
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (ii)	74.849.041.678	40.518.408.320
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin) (iii)	388.936.246.394	400.700.531.130
Công ty TNHH Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Lương, thưởng người lao động	22.896.972.691	36.106.538.139
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (ii)	71.381.675.650	55.561.395.338
Nordic Maritime Pte Ltd	6.552.000.000	6.414.000.000
Yinson Marine Services Sdn Bhd	13.216.476.000	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (iv)	83.202.468.286	83.202.468.286
OffShore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Các khoản phải trả khác	66.829.140.686	33.560.777.043
	<b>1.702.860.154.755</b>	<b>1.092.522.541.891</b>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch gồm 355.559.451.500 đồng và các khoản phải trả khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.
- (iii) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin) là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin) là nhà thầu thực hiện.
- (iv) Khoản phải trả Công ty Điều hành chung Lam Sơn ("Lam Sơn POC") là chủ yếu khoản tiền đầu mua hợp PTSC Asia Pacific từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	-	-	5.463.872.936	5.463.872.936
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	580.787.031.154	580.787.031.154	612.510.194.287	612.510.194.287
	<b>580.787.031.154</b>	<b>580.787.031.154</b>	<b>617.974.067.223</b>	<b>617.974.067.223</b>

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Đồng Việt Nam	275.604.609.502	275.604.609.502	426.899.596.161	426.899.596.161
Đô la Mỹ	1.301.671.428.002	1.301.671.428.002	1.267.219.319.654	1.267.219.319.654
	<b>1.577.276.037.504</b>	<b>1.577.276.037.504</b>	<b>1.694.118.915.815</b>	<b>1.694.118.915.815</b>

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,6%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 1,633%/năm đến 5,65%/năm đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 11 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương đương 59.600.340 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 59.271.250 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	580.787.031.154	612.510.194.287
Trong năm thứ hai	489.003.396.644	599.369.989.341
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	433.011.209.706	482.238.732.187
Sau năm năm	74.474.400.000	-
	<b>1.577.276.037.504</b>	<b>1.694.118.915.815</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 22)	(580.787.031.154)	(612.510.194.287)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>996.489.006.350</b>	<b>1.081.608.721.528</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

TRÁI  
 QUẢN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

**Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2014: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	30/6/2015		31/12/2014	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	5,53	246.969.700.000	6,12	273.403.700.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	0,45	20.062.000.000	3,14	140.196.000.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	3,57	159.258.580.000	5,79	258.800.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,07	1.745.713.930.000	33,57	1.499.603.770.000
	<b>100,00</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>100,00</b>	<b>4.467.004.210.000</b>

01/21  
CHI  
CỔ  
NH  
ELI  
VIỆT  
- TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
 Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃ U B 09a-DN

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Tại ngày 01/01/2014	4.467.004.210.000	39.617.060.000	1.111.628.012.143	203.411.767.990	1.151.630.399.109	6.973.291.449.242	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.181.320.995.225	1.181.320.995.225	
Phân phối lợi nhuận	-	-	419.812.726.060	57.581.519.955	(615.589.893.909)	(138.195.647.894)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)	
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.467.004.210.000	39.617.060.000	1.531.440.738.203	260.993.287.945	1.181.320.995.225	7.480.376.291.373	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	558.622.166.629	558.622.166.629	
Phân phối lợi nhuận	-	-	444.455.920.837	59.066.049.761	(645.280.490.025)	(141.758.519.427)	
Kết chuyển quỹ theo hướng dẫn Thông tư 200	-	-	320.059.337.706	(320.059.337.706)	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)	
Số dư tại ngày 30/6/2015	4.467.004.210.000	39.617.060.000	2.295.955.996.746	-	558.622.166.629	7.361.199.433.375	

Theo Nghị quyết số 345/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2014 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 59.066.049.761 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 444.455.920.837 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 141.758.519.427 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện đã thực hiện trích lập các quỹ và đang làm thủ tục cho các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết nêu trên.

*MAK*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	7.152.037	14.569.102
Đô la Singapore (SGD)	-	117.762
Bảng Anh (GBP)	<u>261.256</u>	<u>2.989</u>

**26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	135.362.409.043	104.129.456.068
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.233.423.191.956	4.851.311.081.733
	<u><b>6.368.785.600.999</b></u>	<u><b>4.955.440.537.801</b></u>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	129.062.199.290	100.698.713.882
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.673.801.834.283	4.436.416.630.276
	<u><b>5.802.864.033.573</b></u>	<u><b>4.537.115.344.158</b></u>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.674.169.343	485.845.660.283
Chi phí nhân công	313.195.854.952	337.856.900.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.226.394.456	180.110.023.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.126.620.323.122	3.595.396.925.127
Chi phí khác	121.354.988.119	98.334.580.909
	<u><b>6.000.071.729.992</b></u>	<u><b>4.697.544.090.342</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.348.857.631	48.107.170.819
Cổ tức, lợi nhuận được chia	301.820.651.677	541.624.325.945
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.671.429.042	7.832.116.909
Doanh thu sử dụng vốn nội bộ	6.844.435.697	8.829.280.292
	<b>357.685.374.047</b>	<b>606.392.893.965</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.721.394.410	25.555.691.640
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.785.100	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.903.154.185	24.615.017.194
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	23.562.295.460	(8.560.752.338)
Chi phí tài chính khác	9.320.523.123	23.193.960.974
	<b>74.544.152.278</b>	<b>64.803.917.470</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí lương	404.508.537	340.723.642
Chi phí quảng cáo	1.803.954.545	109.415.909
Khác	23.788.378.546	18.840.737.335
	<b>25.996.841.628</b>	<b>19.290.876.886</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Lương nhân viên quản lý	28.710.555.682	30.185.425.670
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	12.255.189.093	9.791.028.395
Dịch vụ mua ngoài	70.667.490.957	16.581.556.562
Các khoản dự phòng	9.357.094.859	10.915.241.360
Khác	40.403.738.611	75.498.812.834
	<b>161.394.069.202</b>	<b>142.972.064.821</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	8.112.539.332
Thu từ phạt, bồi thường	170.544.091	1.706.849.001
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	-	29.621.687.266
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	-	18.320.980.480
Thu nhập khác	642.050.290	774.956.621
	<b>812.594.381</b>	<b>58.537.012.700</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt, bồi thường	38.324.011	125.543.390
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	7.548.142.242	-
Các khoản chi phí khác	2.230.319.336	1.268.576.023
	<b>9.816.785.589</b>	<b>1.394.119.413</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác</b>	<b>(9.004.191.208)</b>	<b>57.142.893.287</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	652.667.687.157	854.794.121.718
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(250.930.194.817)	(556.638.631.824)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	29.684.808.814	7.259.162.865
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>431.422.301.154</b>	<b>305.414.652.759</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>94.912.906.253</b>	<b>67.191.223.606</b>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

**34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	484.731.873.650	666.627.255.509

112800  
CHI NHÁ  
CÔNG  
HÀNH  
ELOIT  
IẾT NA  
TP. HC

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	715.960.989.852	783.569.759.355
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	859.263.741.767	1.283.763.703.962
Sau năm năm	478.074.070.668	491.477.920.487
	<b>2.053.298.802.287</b>	<b>2.558.811.383.804</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2.053 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.559 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.577.276.037.504	1.699.582.788.751
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.825.027.636.312	2.886.089.176.704
Nợ thuần	(1.247.751.598.808)	(1.186.506.387.953)
Vốn chủ sở hữu	7.361.199.433.375	7.480.376.291.373
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

002-C  
NH  
Y  
ỨU HẠI  
TE  
M  
CHÍNH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.825.027.636.312	2.886.089.176.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.661.408.863.606	5.216.674.634.116
Phải thu về cho vay	55.952.338.260	63.902.830.591
Đầu tư tài chính dài hạn	30.926.550.368	61.020.201.832
Các khoản ký quỹ	7.280.060.746	2.013.463.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.580.595.449.292</b>	<b>8.229.700.306.956</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.577.276.037.504	1.699.582.788.751
Phải trả người bán và phải trả khác	3.798.193.125.134	3.680.532.487.155
Chi phí phải trả	715.504.719.994	445.585.139.653
Dự phòng phải trả	177.634.708.000	147.505.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.268.608.590.632</b>	<b>5.973.205.415.559</b>

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.656.470.145.588	4.564.714.162.193	3.033.760.168.408	3.184.728.472.857
Bảng Anh (GBP)	8.921.071.937	97.858.222	3.829.997.022	1.997.958.081
Đô la Singapore (SGD)	-	1.866.054.297	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty mẹ sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	31.135.498.859	15.007.932.583

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 31.545.520.750 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 giảm/tăng 44.203.511.752 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau và các bên liên quan.

01/001  
C  
C  
RÁCH  
DE  
VII  
VI-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.825.027.636.312	-	-	2.825.027.636.312
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.654.322.802.860	7.086.060.746	-	5.661.408.863.606
Phải thu về cho vay	27.976.168.584	27.976.169.676	-	55.952.338.260
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.926.550.368	-	30.926.550.368
Các khoản ký quỹ	194.000.000	7.086.060.746	-	7.280.060.746
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.507.520.607.756</b>	<b>73.074.841.536</b>	<b>-</b>	<b>8.580.595.449.292</b>
30/6/2015				
Các khoản vay	580.787.031.154	922.014.606.350	74.474.400.000	1.577.276.037.504
Phải trả người bán và phải trả khác	3.665.645.204.915	132.547.920.219	-	3.798.193.125.134
Chi phí phải trả	715.504.719.994	-	-	715.504.719.994
Dự phòng phải trả	177.634.708.000	-	-	177.634.708.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.139.571.664.063</b>	<b>1.054.562.526.569</b>	<b>74.474.400.000</b>	<b>6.268.608.590.632</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.367.948.943.693</b>	<b>(981.487.685.033)</b>	<b>(74.474.400.000)</b>	<b>2.311.986.858.660</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.886.089.176.704	-	-	2.886.089.176.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.216.674.634.116	-	-	5.216.674.634.116
Phải thu về cho vay	36.515.902.584	27.386.928.007	-	63.902.830.591
Đầu tư tài chính dài hạn	-	61.020.201.832	-	61.020.201.832
Các khoản ký quỹ	56.000.000	1.957.463.713	-	2.013.463.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.139.335.713.404</b>	<b>90.364.593.552</b>	<b>-</b>	<b>8.229.700.306.956</b>
31/12/2014				
Các khoản vay	617.974.067.223	1.081.608.721.528	-	1.699.582.788.751
Phải trả người bán và phải trả khác	3.547.984.566.936	132.547.920.219	-	3.680.532.487.155
Chi phí phải trả	445.585.139.653	-	-	445.585.139.653
Dự phòng phải trả	147.505.000.000	-	-	147.505.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.759.048.773.812</b>	<b>1.214.156.641.747</b>	<b>-</b>	<b>5.973.205.415.559</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.380.286.939.592</b>	<b>(1.123.792.048.195)</b>	<b>-</b>	<b>2.256.494.891.397</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1256  
H NI  
ÔNG  
NHIỆ  
LOI  
T N  
P.T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan:**

Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn  
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1  
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam  
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất  
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam  
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam  
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí  
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí  
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam  
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần  
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
Tổng công ty Dầu Việt Nam  
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần  
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần  
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí  
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần  
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí

**Mối quan hệ**

Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty con  
Cổ đông chính, công ty mẹ  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN  
Công ty trong Tập đoàn PVN

Trong kỳ, Công ty mẹ đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	10.841.630.287	11.093.456.000
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	81.480.342.781	68.068.195.009
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.356.482.310	2.038.260.200
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	37.476.009.489	46.373.956.219
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.407.156.705	29.159.078.502
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	100.817.309.891	66.603.642.901
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	7.889.276.811
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	111.688.197.960	253.118.121.102
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	14.603.128.714	11.646.007.096

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương và các khoản thu nhập khác	5.816.291.233	6.085.053.723

**Số dư với các bên liên quan**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	442.566.518.508	442.519.421.436
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	70.647.079.041
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	271.427.900	2.029.885.600
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	159.500.000	27.603.042.058
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	421.270.633	1.755.787.980
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.661.407.712	2.943.728.937
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.200.000	16.985.958.066
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	17.656.226.034	116.345.267.050
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.432.781.848
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	10.940.863.574
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	21.872.407.555
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	5.880.000	8.473.667.561
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	89.717.930.904	89.326.375.605

**Phải thu ngắn hạn khác**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	40.878.529.508	16.850.156.471
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	598.496.712.387	587.655.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	355.560.293.062	355.560.293.062
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	52.345.374.030
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	885.501.170.186	883.897.493.204

**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.301.175.000	-
--	---------------	---



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	622.491.232	15.732.300
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	6.622.077.777	9.465.940.093
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	9.688.638.364	5.356.797.749
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	626.074.012	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	16.732.245.072	3.731.662.119
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.267.935.110	66.267.935.110
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	234.497.120	-
<b>Các khoản phải trả dài hạn</b>		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	132.535.870.219	132.535.870.219
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	385.275.342.651	382.752.004.016
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	74.849.041.678	40.518.408.320
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	-	198.093.992.027
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	1.331.640.082.386
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	-	27.698.260.149
<b>Người mua trả trước</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.587.670.439.408	1.331.640.082.386
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	-	198.093.992.027
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	-	27.698.260.149
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	26.322.999.718
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	357.604.510.666	514.668.152.761

001125  
CHI  
CƠN  
TÁCH NHỊ  
DELI  
VIỆT  
- TP



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 147.406.017.574 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 42.308.202.844 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 542.829.053.873 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 542.441.899.873 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 107.921.475.517 đồng chưa được thanh toán (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 19.933.826.761 đồng); và số tiền lãi dự thu với số tiền là 3.387.306.449 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 4.298.090.821 đồng).

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong kỳ và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

**38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Đến ngày 17 tháng 7 năm 2015, Công ty mẹ đã mua thêm 1.476.950 cổ phiếu và nắm giữ 51% tổng số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình trở thành công ty con của Công ty mẹ từ thời điểm này.

10-01  
HÁN  
TỶ  
M HƯ  
IT1  
NAI  
HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>5.033.901.604.944</b>	<b>307.069.324.072</b>	<b>4.726.832.280.872</b>
1. Các khoản tương đương tiền	112	2.079.846.882.778	5.146.882.778	2.074.700.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	353.835.603.291	64.212.715.425	289.622.887.866
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	(36.515.902.584)	36.515.902.584
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.216.746.091.599	(1.524.650.637)	2.218.270.742.236
5. Hàng tồn kho	141	381.948.376.639	274.225.628.453	107.722.748.186
6. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.524.650.637	1.524.650.637	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>162.143.338.014</b>	<b>(307.069.324.072)</b>	<b>469.212.662.086</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	(64.212.715.425)	64.212.715.425
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	(27.386.928.007)	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216	-	(7.104.346.491)	7.104.346.491
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	(274.173.592.409)	274.173.592.409
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	160.185.874.301	63.902.830.591	96.283.043.710
6. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	(52.036.044)	52.036.044
7. Tài sản dài hạn khác	268	1.957.463.713	1.957.463.713	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>5.196.044.942.958</b>	<b>-</b>	<b>5.196.044.942.958</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2.403.069.524.537</b>	<b>-</b>	<b>2.403.069.524.537</b>
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.809.979.384.884	1.029.858.268.584	780.121.116.300
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	593.090.139.653	147.505.000.000	445.585.139.653
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	(147.505.000.000)	147.505.000.000
4. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	(1.029.858.268.584)	1.029.858.268.584
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.792.434.026.148</b>	<b>-</b>	<b>1.792.434.026.148</b>
1. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.531.440.738.203	(260.993.287.945)	1.792.434.026.148
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	260.993.287.945	260.993.287.945	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>4.195.503.550.685</b>	<b>-</b>	<b>4.195.503.550.685</b>


Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kê toán trưởngPhan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam